

MỘT SỐ ĐIỂM NỔI BẬT CỦA NGHỊ ĐỊNH VỀ BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN

HUYỀN THU

Ngày 17/04/2023, Chính phủ đã ban hành Nghị định 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân (**Nghị định 13**) với mục tiêu đáp ứng yêu cầu bảo vệ quyền đối với dữ liệu cá nhân (**DLCN**), ngăn chặn các hành vi xâm phạm DLCN, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của cá nhân, tổ chức. Trong đó, Nghị định 13 đã ghi nhận khái niệm về "dữ liệu cá nhân", ghi nhận một cách toàn diện các quyền lợi cơ bản của Chủ thể dữ liệu, các trách nhiệm của doanh nghiệp xử lý, kiểm soát dữ liệu. Bên cạnh đó, một số quy định về chức năng và thẩm quyền của cơ quan chuyên trách bảo vệ DLCN, hoạt động chuyển DLCN ra nước ngoài, biện pháp bảo vệ DLCN... cũng được quy định tại văn bản này. Dưới đây là một số nội dung nổi bật của Nghị định 13:

Thứ nhất, định nghĩa và phân loại DLCN. Nghị định 13 quy định DLCN là thông tin dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự trên môi trường điện tử gắn liền với một con người cụ thể hoặc giúp xác định một con người cụ thể. Đồng thời, DLCN được phân loại thành 02 nhóm: "dữ liệu cá nhân cơ bản" và "dữ liệu cá nhân nhạy cảm", cụ thể:

- DLCN cơ bản quy định tại khoản 3, Điều 2, Nghị định 13 bao gồm những thông tin như: Họ, chữ đệm và tên khai sinh, tên gọi khác (nếu có); Giới tính; Quốc tịch; Hình ảnh của cá nhân; Số điện thoại, số chứng minh nhân dân, số định danh cá nhân;...
- DLCN nhạy cảm quy định tại khoản 4, Điều 2, Nghị định 13 là DLCN gắn liền với quyền riêng tư của cá nhân mà khi bị xâm phạm sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp tới quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, gồm các thông tin như quan điểm chính trị, quan điểm tôn giáo, thông tin liên quan đến nguồn gốc chủng tộc, nguồn gốc dân tộc,...

Thứ hai, quy định cụ thể về quyền của Chủ thể dữ liệu. Theo Nghị định 13, Chủ thể dữ liệu là cá nhân được DLCN phản ánh. Quyền của chủ thể DLCN là tập hợp nhiều quyền của cá nhân đối với dữ liệu, bao gồm 11 quyền: Quyền được biết, Quyền đồng ý, Quyền truy cập, Quyền rút lại sự đồng ý, Quyền xóa dữ liệu, Quyền hạn chế xử lý dữ liệu, Quyền khiếu nại, tố cáo, khởi kiện, Quyền cung cấp dữ liệu, Quyền phản đối xử lý dữ liệu, Quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại, Quyền tự bảo



vệ. Nhìn chung, theo quy định tại Nghị định 13, sự đồng ý của Chủ thể dữ liệu (là việc thể hiện rõ ràng, tự nguyện, khẳng định việc cho phép xử lý DLCN của Chủ thể dữ liệu) được áp dụng đối với tất cả các hoạt động trong quy trình xử lý DLCN, tuy nhiên văn bản này cũng quy định một số trường hợp xử lý DLCN không cần sự đồng ý của Chủ thể dữ liệu như sau:

- Trường hợp khẩn cấp, cần xử lý ngay DLCN có liên quan để bảo vệ tính mạng, sức khỏe của Chủ thể dữ liệu hoặc người khác (cần lưu ý rằng Bên Kiểm soát DLCN, Bên Xử lý DLCN, Bên Kiểm soát và xử lý DLCN, Bên thứ ba có trách nhiệm chứng minh mức độ khẩn cấp trong trường hợp này);
- Trường hợp công khai DLCN theo quy định của luật;
- Trường hợp xử lý dữ liệu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, thảm họa lớn, dịch bệnh nguy hiểm; khi có nguy cơ đe dọa an ninh, quốc phòng nhưng chưa đến mức ban bố tình trạng khẩn cấp; phòng, chống bạo loạn, khủng bố, phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật theo quy định của luật;
- Trường hợp thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng của Chủ thể dữ liệu với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của luật;
- Trường hợp phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước đã được quy định theo luật chuyên ngành;
- Trường hợp xử lý DLCN thu được từ hoạt động ghi âm, ghi hình tại nơi công cộng.

Thứ ba, quy định trách nhiệm của Bên Kiểm soát DLCN, Bên Xử lý DLCN, Bên Kiểm soát và xử lý dữ liệu trong quá trình kiểm soát và xử lý DLCN. Theo đó, Nghị định 13 quy định cụ thể về trách nhiệm của các bên kiểm soát dữ liệu, bên xử lý dữ liệu, và cả bên thứ ba có liên quan để đảm bảo bảo vệ DLCN trong quá trình xử lý DLCN tại Điều 38 đến Điều 40,

đơn cử:

- Bên Kiểm soát DLCN có trách nhiệm thực hiện các biện pháp tổ chức và kỹ thuật cùng các biện pháp an toàn, bảo mật phù hợp để chứng minh các hoạt động xử lý dữ liệu đã được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ DLCN, đồng thời rà soát và cập nhật các biện pháp này khi cần thiết.
- Bên Xử lý DLCN chỉ tiếp nhận DLCN sau khi có hợp đồng hoặc thỏa thuận về xử lý dữ liệu với Bên Kiểm soát DLCN; xử lý DLCN theo đúng hợp đồng hoặc thỏa thuận ký kết với Bên Kiểm soát DLCN.

Ngoài những trách nhiệm nêu trên, Bên Kiểm soát DLCN, Bên Kiểm soát và xử lý DLCN phải lập và lưu giữ hồ sơ đánh giá tác động xử lý DLCN kể từ thời điểm bắt đầu xử lý DLCN (với nội dung tài liệu quy định tại khoản 1, Điều 24, Nghị định 13). Bên Xử lý DLCN tiến hành lập và lưu giữ hồ sơ đánh giá tác động xử lý DLCN trong trường hợp thực hiện hợp đồng với Bên Kiểm soát DLCN (với nội dung tài liệu quy định tại khoản 2, Điều 24, Nghị định 13). Hồ sơ đánh giá tác động xử lý DLCN phải luôn có sẵn để phục vụ hoạt động kiểm tra, đánh giá của Bộ Công an và gửi Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao thuộc Bộ Công an - Cơ quan chuyên trách bảo vệ DLCN trong thời gian 60 ngày kể từ ngày tiến hành xử lý DLCN.

Bên cạnh đó, quyền hạn và trách nhiệm của Bên Kiểm soát DLCN, Bên Xử lý DLCN, Bên Kiểm soát và xử lý dữ liệu còn được quy định rải rác tại nhiều điều khoản khác như quyền được chỉnh sửa DLCN của Bên Xử lý dữ liệu cá nhân, Bên thứ ba tại Điều 15, trách nhiệm của Bên Kiểm soát DLCN, Bên Kiểm soát và xử lý DLCN, Bên thứ ba xóa DLCN không thể khôi phục quy định tại khoản 7 Điều 16,...

Thứ tư, quy định về việc chuyển DLCN ra nước ngoài. Theo Nghị định 13, chuyển DLCN ra nước ngoài là hoạt động sử dụng không gian mạng, thiết bị, phương tiện điện tử hoặc các hình thức khác chuyển DLCN của công dân Việt Nam tới một địa điểm nằm ngoài lãnh thổ Việt Nam hoặc sử dụng một địa điểm nằm ngoài lãnh thổ Việt Nam để xử lý DLCN của công dân Việt Nam, bao gồm:

- (i)** Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân chuyển DLCN của công dân Việt Nam cho tổ chức, doanh nghiệp, bộ phận quản lý ở nước ngoài để xử lý phù hợp với mục đích đã được Chủ thể dữ liệu đồng ý;
- (ii)** Xử lý DLCN của công dân Việt Nam bằng các hệ thống tự động nằm ngoài lãnh thổ Việt Nam của Bên Kiểm soát DLCN, Bên Kiểm soát và xử lý DLCN, Bên Xử lý DLCN phù hợp với mục đích đã được Chủ thể dữ liệu

đồng ý.

Lưu ý rằng, Bên chuyển dữ liệu ra nước ngoài (bao gồm Bên Kiểm soát DLCN, Bên Kiểm soát và xử lý DLCN, Bên Xử lý DLCN, Bên thứ ba) trong trường hợp muốn chuyển DLCN của công dân Việt Nam ra nước ngoài phải lập hồ sơ đánh giá tác động chuyển DLCN ra nước ngoài (với nội dung tài liệu quy định tại khoản 2, Điều 25, Nghị định 13), gửi 01 bản chính hồ sơ tới Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, đồng thời thông báo bằng văn bản tới cơ quan này về việc chuyển dữ liệu và thông tin liên lạc chi tiết của tổ chức, cá nhân phụ trách khi việc chuyển dữ liệu diễn ra thành công. Đặc biệt, căn cứ tình hình cụ thể, Bộ Công an quyết định việc kiểm tra chuyển DLCN ra nước ngoài 01 lần/năm, trừ trường hợp phát hiện hành vi vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ DLCN tại Nghị định 13 hoặc để xảy ra sự cố lộ, mất DLCN của công dân Việt Nam.

Thứ năm, quy định về biện pháp bảo vệ DLCN. Theo Nghị định 13, để tránh việc thu thập, chuyển giao, mua, bán trái phép DLCN, tổ chức, cá nhân có liên quan tới xử lý DLCN phải áp dụng các biện pháp bảo vệ DLCN để ngăn chặn tình trạng thu thập DLCN trái phép từ hệ thống, trang thiết bị dịch vụ của mình. Bên cạnh đó, biện pháp bảo vệ DLCN phải được mô tả cụ thể trong hồ sơ đánh giá tác động xử lý DLCN, hồ sơ đánh giá tác động chuyển DLCN ra nước ngoài khi gửi cho Bộ Công an để phê duyệt; đồng thời phải được áp dụng ngay từ khi bắt đầu và trong suốt quá trình xử lý DLCN. Các biện pháp bảo vệ DLCN quy định tại Nghị định này gồm có:

- Biện pháp quản lý do tổ chức, cá nhân có liên quan tới xử lý DLCN thực hiện;
- Biện pháp kỹ thuật do tổ chức, cá nhân có liên quan tới xử lý DLCN thực hiện;
- Biện pháp do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan;
- Biện pháp điều tra, tố tụng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện;
- Các biện pháp khác theo quy định của pháp luật.



Một số bình luận và khuyến nghị

Việc ban hành Nghị định 13 được đánh giá là một bước đột phá, tạo hành lang pháp lý nhằm bảo vệ thông tin, DLCN, đồng thời nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các bên về bảo vệ DLCN, tránh tình trạng lộ, lọt, chiếm đoạt, buôn bán DLCN. Nghị định 13 sẽ có hiệu lực từ ngày 01/07/2023, vì vậy cá nhân, tổ chức cần nghiên cứu văn bản mới này, đặc biệt là các quy định về quyền và trách nhiệm của Chủ thể dữ liệu, Bên Kiểm soát dữ liệu, Bên Xử lý dữ liệu..., yêu cầu để bảo vệ DLCN trong quá trình xử lý DLCN (mục 2, Chương II), các hành vi bị nghiêm cấm (Điều 8),... để đảm bảo tối đa quyền lợi của cá nhân, tổ chức, cũng như nghĩa vụ cần thực hiện trong quá trình sử dụng và xử lý DLCN, tránh bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý hình sự do vi phạm quy định bảo vệ DLCN.